

Đề kiểm tra chương 1

Câu 1. Cho tập hợp $M = \{a, b, x, y\}$. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $a \notin M$. B. $y \in M$. C. $1 \in M$. D. $b \notin M$.

Câu 2. Cho tập hợp $A = \{1; 2; 3; 4; 5\}$. Khẳng định nào sau đây là sai?

- A. $1 \in A$. B. $6 \notin A$. C. $5 \in A$. D. $0 \in A$.

Câu 3. Biết $\mathbb{N}$ là tập hợp số tự nhiên. Cách viết đúng là

- A. $\mathbb{N} = \{1; 2; 3; 4; \dots\}$. B. $\mathbb{N} = \{0; 1; 2; 3; 4; \dots\}$.
C. $\mathbb{N} = \{0; 1; 2; 3; 4\}$. D. $\mathbb{N} = \{1; 2; 3; 4\}$.

Câu 4. Cho tập hợp $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 4 < x \leq 9\}$. Tập hợp A viết dưới dạng liệt kê là

- A. $A = \{4; 5; 6; 7; 8; 9\}$. B. $A = \{4; 5; 6; 7; 8\}$.
C. $A = \{5; 6; 7; 8\}$. D. $A = \{5; 6; 7; 8; 9\}$.

Câu 5. Cho tập hợp $C = \{3; 4; 5; 6; 7; 8\}$. Nếu viết tập hợp trên dưới dạng chỉ ra tính chất đặc trưng thì cách viết nào dưới đây đúng?

- A. $C = \{x \in \mathbb{N} \mid 2 < x < 8\}$. B. $C = \{x \in \mathbb{N} \mid 2 < x \leq 8\}$.
C. $C = \{x \in \mathbb{N} \mid 2 < x \leq 9\}$. D. $C = \{x \in \mathbb{N} \mid 2 \leq x < 9\}$.

Câu 6. Số La Mã XXVII tương ứng giá trị nào?

- A. 27. B. 28. C. 29. D. 23.

Câu 7. Viết các số 19; 25 bằng số La Mã

- A. XIV; XXV. B. XIX; XXV. C. XVIII; XXV. D. XIX; XXV.

Câu 8. Cho n là một số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn 10. Khi đó vị trí của điểm n trên tia số là

- A. bên trái điểm 5. B. bên phải điểm 10.
C. nằm giữa điểm 0 và điểm 10. D. nằm giữa điểm 5 và điểm 10.

Câu 9. Cho ba số tự nhiên m, n, p trong đó p là số lớn nhất. Biết rằng trên tia số điểm n nằm giữa hai điểm m và p . Khi đó khẳng định nào dưới đây là đúng?

- A. $m < n < p$. B. $n < m < p$. C. $n < p < m$. D. $p < m < n$.

Câu 10. Tính nhanh $41.16 + 41.84$ bằng

- A. 410. B. 141. C. 4100. D. 4141.

Câu 11. Số thích hợp được điền vào dấu ? trong biểu thức $? - 26 = 74 + 35$ là

- A. 83. B. 65. C. 153. D. 135.

Câu 12. Tính nhanh tổng $24 + 25 + 26 + 27 + 28 + 29 + 30 + 31$ được kết quả bằng

- A. 220. B. 165. C. 440. D. 385.

Câu 13. Số tự nhiên x thỏa mãn $(x - 29) - 11 = 0$ là

- A. 30. B. 39. C. 40. D. 41

Câu 14. Tìm số tự nhiên x , biết: $(x - 25) \cdot 2021 = 0$

- A. 0. B. 45. C. 25. D. 26

Câu 15. Không tính giá trị cụ thể, hãy so sánh $A = 657.1982$ và $B = 660.1952$

- A. $A > B$. B. $A < B$. C. $A \leq B$. D. $A = B$.

Câu 16. Số tự nhiên nào dưới đây thỏa mãn $2022 \cdot (x - 2018) = 2022$

- A. $x = 2017$. B. $x = 2018$. C. $x = 2019$. D. $x = 2020$.

Câu 17. Viết gọn tích $10 \cdot 10 \cdot 10 \cdot 10 \cdot 10$ dưới dạng một lũy thừa ta được

- A. 5^{10} . B. 10^5 . C. 10^4 . D. 50^5 .

Câu 18. Lập phương của 7 được viết là

- A. 7^2 . B. 2^7 . C. 7^3 . D. 3^7 .

Câu 19. Điền từ thích hợp vào chỗ (...) :

Khi chia hai lũy thừa cùng cơ số khác 0, ta giữ nguyên cơ số và ... các số mũ.

- A. cộng. B. trừ. C. nhân. D. chia.

Câu 20 .Trong các số sau, số nào viết được dưới dạng lũy thừa của một số tự nhiên với số mũ lớn hơn 1 .

- A. 15. B.16. C.17. D. 18.

Câu 21.Kết quả của phép tính $5^6 : 5^3$ là

- A. 5^3 . B. 1^3 . C. 5^2 . D. 1^2 .

Câu 22.Phép tính nào sau đây đúng?

- A. $2^2.2^3 = 2^5$. B. $2^2.2^3 = 2^6$. C. $2^2.2^3 = 4^5$. D. $2^2.2^3 = 4^6$.

Câu 23.Kết quả của phép tính $2^6 : 2$ là

- A. 2^7 . B. 2^5 . C. 2^6 . D. 1^6 .

Câu 24.Viết số 723 dưới dạng tổng các lũy thừa của 10 là

- A. $723 = 7.10^2 + 2.10 + 3.10^0$. B. $723 = 7.10^3 + 2.10^2 + 3.10^1$.
C. $723 = 7.10^0 + 2.10 + 3.10^2$. D. $723 = 7.100 + 20 + 3$.

Câu 25.Kết quả của phép tính $3^3.4^2$ bằng

- A.423. B.432 . C.324. D.323.

Câu 26.Lũy thừa của 3^4 bằng

- A.9. B.27 . C.81. D.243.

Câu 27.Kết quả của phép tính $5^3.5^4 : 5^5$ bằng

- A.10. B.25 . C.52. D. 5^6 .

Câu 28.Chọn đáp án đúng

- A. $2^3 < 2^7$. B. $2^3 = 2^7$. C. $2^3 > 2^7$. D. $2^9 \leq 2^7$.

Câu 29.Kết quả của phép tính $2^5.2^3 : 2^8$ bằng

- A.0 . B.1. C.2 . D.3.Câu

30.So sánh 2^6 và 6^2 ta được

- A. $2^6 < 6^2$. B. $2^6 > 6^2$. C. $2^6 = 6^2$. D. $2^6 \leq 6^2$.

Câu 31. Giá trị của x để $3^x = 3^2$ là

- A. 2. B. 3. C. 6. D. 9.

Câu 32. Giá trị của x thỏa mãn $5^x = 1$ là

- A. 5. B. 4. C. 1. D. 0.

Câu 33. Giá trị của x thỏa mãn $7^x \cdot 7^3 = 7^6$ là

- A. 2. B. 3. C. 9. D. 18.

Câu 34. Giá trị của x thỏa mãn $7^x : 7^2 = 7^8$ là

- A. 4. B. 6. C. 10. D. 16.

Câu 35. Tìm số tự nhiên n thỏa mãn $4^n = 4^3 \cdot 4^5$

- A. $n = 32$. B. $n = 16$. C. $n = 8$. D. $n = 4$.

Câu 36. Tìm số tự nhiên x thỏa mãn $2^x - 15 = 17$

- A. $x = 2$. B. $x = 3$. C. $x = 4$. D. $x = 5$.

Câu 37. Đối với biểu thức không có ngoặc và chỉ có các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa, thì thứ tự thực hiện phép tính đúng là

- A. Lũy thừa $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Cộng và trừ.
B. Nhân và chia $\rightarrow$ Lũy thừa $\rightarrow$ Cộng và trừ.
C. Cộng và trừ $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Lũy thừa.
D. Lũy thừa $\rightarrow$ Cộng và trừ $\rightarrow$ Nhân và chia.

Câu 38. Thứ tự thực hiện đúng các phép tính đối với biểu thức có ngoặc là

- A. $() \rightarrow \{ \} \rightarrow []$. B. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$.
C. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$. D. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$.

Câu 39. Kết quả của phép tính $3 \cdot 6 : 6 \cdot 3$ bằng

- A. 18. B. 1. C. 9. D. 6.

Câu 40. Kết quả của phép tính $100 - (7 + 3 \cdot 2^2)$ bằng

- A. 91. B. 57. C. 81. D. 60.

